

Ba Tri, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Số: 67/2019/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung
2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng C (N), sinh năm 1987; địa chỉ: ấp, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Đồng Thanh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Đồng Thanh Đ tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ sống chung với cha mẹ anh Đ tại xã A một thời gian, sau đó vợ chồng chuyển về sinh sống cùng cha mẹ chị ở xã V một thời gian rồi lại chuyển về sống tại xã A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường xuyên rượu chè say xỉn về đánh đập chị. Dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Đ vẫn không cải sửa nên vợ

chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên từ đầu năm 2018 chị đã về nhà cha mẹ ruột ở xã V sống, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không có liên lạc với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết nhưng để vợ chồng tự giải quyết. Chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn được nữa, cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đồng Thanh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ một con chung là cháu Đồng Thanh Đ1, sinh ngày 12/01/2011. Hiện cháu Đ1 đang sống cùng anh Đ, khi ly hôn chị đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo đúng mong muốn của cháu Đ1, tuy nhiên chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đồng Thanh Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị C tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh, anh đi làm thuê, chị C ở nhà lo việc gia đình, cuộc sống vợ chồng hòa thuận. Do anh đi làm thuê nên thỉnh thoảng có uống rượu vì vậy chị C không hài lòng nên giữa vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng không có mâu thuẫn gì đáng kể và anh hoàn toàn không có đánh đập chị C. Anh và chị C không có phát sinh mâu thuẫn gì nhưng khoảng 06 tháng nay chị C xin đi làm rồi bỏ đi đến nay. Anh cho rằng giữa anh và chị C không có xảy ra mâu thuẫn và hiện anh còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là cháu Đồng Thanh Đ1, sinh ngày 12/01/2011. Hiện cháu Đ1 đang sống cùng anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1 và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Hồng C giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung: chị C đồng ý giao con chung là Đồng Thanh Đ1, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Đ nuôi dưỡng theo đúng mong muốn của con chung. Chị C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu Đ1 tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/02/2019. Tài sản chung không

có. Nợ chung không có. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng, chị C đồng ý nộp.

- Anh Đồng Thanh Đ đồng ý ly hôn với chị C. Khi ly hôn, anh đồng ý nuôi dưỡng con chung là Đồng Thanh Đ1, sinh ngày 12/01/2011 và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật. Tài sản chung không có. Nợ chung không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung: nhận thấy tại phiên tòa, hai bên thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các vấn đề của vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Từ các lời trình bày trên;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa sơ thẩm.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, chị C và anh Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 213, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng C (N) và anh Đồng Thanh Đ. Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 28/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Về con chung: anh Đồng Thanh Đ có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đồng Thanh Đ1, sinh ngày 12/01/2011. Chị Trần Thị Hồng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 695.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn

đồng) đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15/02/2019.

Chi C có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Hồng C đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0020159 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

- Án phí cấp dưỡng: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị C phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi